Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ
Phần C: Khoa học Xã hội, Nhân văn và Giáo dục
ISSN 1859-2333 | e-ISSN 2815-5599

DOI:10.22144/ctujos.2026.241

DIỄN NGÔN SỰ THẬT TRONG HỒI KÝ ANH THƠ TỪ GÓC NHÌN THỂ LOẠI

Lê Thị Nhiên[1,*] và Phạm Bé Diễu[2]
[1]*Trường Đại học FPT phân hiệu Cần Thơ, Việt Nam*
[2]*Trường Trung học cơ sở và Trung học Phổ thông Nguyễn Thái Bình, Việt Nam*
**Tác giả liên hệ (Corresponding author): nhienlt2@fe.edu.vn*

Thông tin chung (Article Information)

Nhận bài (Received): 31/12/2025
Sửa bài (Revised): 16/03/2026
Duyệt đăng (Accepted): 21/08/2026

Title: *The discourse of truth in Anh Thơ's memoirs from a genre-based perspective*

Author(s): *Le Thi Nhien[1,*] and Pham Be Dieu[2]*

Affiliation(s): *[1]FPT University – Can Tho Campus, Viet Nam; [2]Nguyen Thai Binh Secondary and High School, Viet Nam*

TÓM TẮT

Bài báo được thực hiện đã tiếp cận hồi ký Anh Thơ từ góc nhìn lý thuyết diễn ngôn và thể loại phi hư cấu, nhằm làm rõ cách "sự thật" được kiến tạo thông qua ký ức và ngôn ngữ. Kết quả nghiên cứu cho thấy hồi ký của bà không phải là sự tái hiện nguyên vẹn quá khứ mà là một quá trình chọn lọc, tổ chức và tái cấu trúc bản sắc chủ thể. Diễn ngôn sự thật trong hồi ký Anh Thơ được hình thành trên ba phương diện chính: sự thiết lập "hợp đồng sự thật" giữa tác giả – người kể – nhân vật; sự phân mảnh của cái tôi giữa căn tính giới và căn tính nghệ sĩ, giữa đời tư và thời đại; cùng cấu trúc ký ức mang tính chiến lược, trong đó các khoảng lặng giữ vai trò kiến tạo nghĩa. Qua đó, hồi ký hiện lên như sự giao thoa giữa ký ức cá nhân và lịch sử tập thể, vừa mang giá trị văn học vừa là tư liệu văn hóa về hành trình tự ý thức của trí thức nữ Việt Nam thế kỷ XX.

Từ khóa: *Anh Thơ, diễn ngôn, hồi ký, mã sự thật, phi hư cấu*

ABSTRACT

The article approaches Anh Thơ's memoirs from the perspective of discourse theory and the genre of nonfiction in order to elucidate how "truth" is constructed through memory and language. The findings demonstrate that her memoirs are not a transparent or complete reproduction of the past, but rather a selective, organized, and reconstructive process through which subjectivity is shaped. The discourse of truth in Anh Thơ's memoirs is constituted through three principal dimensions: the establishment of an "autobiographical pact" between author, narrator, and protagonist; the fragmentation of the self between gender identity and artistic identity, as well as between private life and historical context; and a strategic structure of memory in which silences and omissions play a meaning-generating role. In this light, the memoirs emerge as a site of intersection between individual memory and collective history, possessing both literary value and cultural significance as a record of the self-reflexive journey of Vietnamese female intellectuals in the twentieth century.

Keywords: *Anh Thơ, discourse, memoir, nonfiction, truth code*

1. GIỚI THIỆU

Anh Thơ là một hiện tượng đặc biệt trên thi đàn văn học Việt Nam những năm 30 của thế kỷ XX. Có thể nói, trong phong trào Thơ mới, bên cạnh những cây bút tiêu biểu như Xuân Diệu, Huy Cận, Chế Lan Viên, Nguyễn Bính,… thì sự xuất hiện của nữ sĩ Anh Thơ như một luồng gió mới bởi nữ sĩ đã hoà vào làng thơ bằng tâm hồn, cảm xúc và giọng thơ rất riêng, đầy nữ tính. Không chỉ được độc giả biết đến với vai trò là một nhà thơ, bà còn sáng tác nhiều thể loại khác như kịch thơ, tiểu thuyết, truyện ngắn và đặc biệt là hồi ký. Ở các thể loại này, sáng tác của bà mang phong cách tự sự đậm nét nhưng không khô khan, máy móc mà sinh động, hấp dẫn và đầy màu sắc. Điều đó được thể hiện qua sự quan sát tinh tế từ những vần thơ đến những trang hồi ký. Trong đó, tiêu biểu là ba tập hồi ký: *Từ bến sông Thương*, *Tiếng chim tu hú*, *Bên dòng chia cắt* xuất bản năm 2002. Hồi ký của bà vừa có giá trị văn học, vừa là những trang đời chân thật và sống động. Trong lịch sử văn học Việt Nam, hồi ký xuất hiện tương đối muộn nhưng đã bùng nổ mạnh mẽ sau năm 1986, đáp ứng nhu cầu khẩn thiết của cái tôi trong việc bày tỏ những vùng sâu thẳm của hoài niệm và suy tư. Tuy nhiên, dưới góc nhìn của lý thuyết diễn ngôn, hồi ký không đơn thuần là một bản ghi chép các sự kiện đã qua, diễn ngôn không tạo ra một thế giới giả định mà đóng vai trò là "chiếc cầu" nối trực tiếp giữa quá khứ với hiện tại. Đó là một quá trình tái cấu trúc sự thật thông qua lăng kính của ngôn ngữ, văn hóa và ý đồ của người viết.

Tiếp cận hồi ký Anh Thơ từ góc nhìn thể loại, diễn ngôn sự thật đã được tập trung phân tích như một sản phẩm được kiến tạo bởi các chiến lược nghệ thuật và sự tự ý thức của chủ thể. Đó là sự thật được bảo chứng bởi "hợp đồng tự truyện", được chọn lọc qua những mảnh vỡ của ký ức và đặc biệt là sự thật về một căn tính nữ đầy mâu thuẫn, phân mảnh giữa lễ giáo và tự do. Vì vậy, việc giải mã diễn ngôn trong hồi ký Anh Thơ không chỉ giúp chúng ta thấu hiểu một cuộc đời nghệ sĩ mà còn mở ra cái nhìn sâu sắc về cách thức ngôn ngữ phi hư cấu tham gia vào việc kiến tạo "chân lý" trong văn học.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Để giải quyết các vấn đề đã đặt ra, hệ thống phương pháp nghiên cứu đa chiều đã được triển khai, tập trung vào mối quan hệ giữa văn bản và thực tại. Phương pháp loại hình được sử dụng như một khuôn khổ nền tảng để xác lập các đặc trưng của hồi ký trong hệ thống văn học phi hư cấu. Phương pháp này giúp làm nổi bật cách Anh Thơ vận dụng các quy ước thể loại "hợp đồng sự thật" với độc giả. Phương pháp phân tích diễn ngôn là phương pháp chủ đạo để bóc tách cách thức ngôn ngữ kiến tạo nên sự thật, tập trung phân tích các chiến lược tự sự, sự phân mảnh chủ thể và các mã văn hóa được tác giả sử dụng, từ đó làm rõ sự thật trong hồi ký. Phương pháp so sánh được thực hiện nhằm đối chiếu việc tạo dựng diễn ngôn trong hồi ký của Anh Thơ và của các tác giả cùng thời. Qua đó, những nét khu biệt trong cách tái hiện thực tại và cái tôi nữ tính đầy bản sắc của Anh Thơ so với các diễn ngôn hồi ký đương thời đã được chỉ rõ. Phương pháp lịch sử - xã hội nhằm nhìn nhận, đánh giá một cách khách quan cách thức kiến tạo diễn ngôn sự thật trong hồi ký Anh Thơ trong bối cảnh văn hóa, chính trị và xã hội Việt Nam vào những thập niên cuối của thế kỷ XX. Việc xem xét các hệ hình tri thức của thời đại giúp giải mã lý do tại sao tác giả lựa chọn, nhấn mạnh hoặc lướt qua những sự kiện nhất định trong dòng ký ức. Phương pháp tiếp cận liên ngành được sử dụng nhằm huy động tri thức từ ký hiệu học, tâm lý học và sử học nhằm soi xét văn bản văn học như một hoạt động giao tiếp xã hội sống động. Cách tiếp cận này cho phép đánh giá toàn diện giá trị của tác phẩm không chỉ ở phương diện văn chương mà còn ở tư cách một diễn ngôn văn hóa - lịch sử.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

Hồi ký là một thể loại văn học có tính chất lai biên (Hybridity) độc đáo, giao thoa giữa các loại hình phi hư cấu như báo chí, nhật ký, tư liệu,... với các thể loại hư cấu như tiểu thuyết hay tự truyện. Tuy nhiên, nhìn từ lý thuyết diễn ngôn, hồi ký không đơn thuần là một bản sao chép thụ động các sự kiện quá khứ, mà là một tiến trình tái cấu trúc, bản chất và kiến tạo sự thật thông qua hệ thống ngôn ngữ. "Mã sự thật" (Truth Code) của thể loại này được xác lập dựa trên quyền năng của chủ thể trần thuật và tính khả tín của thông tin. Nó thiết lập một không gian cho phép cái tôi chủ quan, ngôi thứ nhất với ngôn ngữ giàu sắc thái biểu cảm được tham gia trực tiếp vào việc sản xuất ý nghĩa.

3.1. Sự phân mảnh của chủ thể tự sự trong hồi ký Anh Thơ

Sự phân mảnh của chủ thể trong hồi ký Anh Thơ không phải là một hiện tượng ngẫu nhiên, mà là minh chứng cho lý thuyết của Smith and Watson (2001) về khoảng cách không thể lấp đầy giữa "cái tôi đang kể" đầy trải nghiệm và "cái tôi được kể" còn non nớt trong quá khứ. Bên cạnh đó, sự kết hợp giữa cái tôi mang căn tính giới và cái tôi mang căn tính nghệ sĩ, cái tôi cá nhân và cái tôi thời đại đều thể hiện quá trình kiến tạo bản sắc và tiếng nói của

một trí thức nữ trong bối cảnh văn hóa - xã hội Việt Nam thế kỷ XX.

Cái tôi đang kể là chủ thể ở hiện tại, người có tri thức và kinh nghiệm, đang nhìn lại quá khứ để chiêm nghiệm. Cái tôi được kể chính là cái tôi của Vương Kiều Ân. Ngay trong cái tôi được kể ấy, chúng ta thấy có biểu hiện của sự giằng co giữa thái độ kìm nén, chịu đựng lễ giáo phong kiến với khát khao tự do muốn thoát khỏi cái vòng "kim cô" lễ giáo ấy. Trong diễn ngôn của chủ thể này xuất hiện nhiều những câu cảm thán, những trạng thái cảm xúc trực tiếp như ngỡ ngàng, đau đớn, hy vọng, ngôn ngữ mang tính chất bi kịch cá nhân. Còn nữ sĩ lão thành nhìn lại mình trong quá khứ bằng diễn ngôn phân tích, chiêm nghiệm và lý giải. Mặc dù sinh ra và lớn lên trong một gia đình còn nặng về nề nếp và định kiến đối với người phụ nữ nhưng Anh Thơ không chọn con đường do bố mẹ định sẵn mà lại rẽ theo một hướng đi khác, đó là con đường sáng tác thơ ca để trở thành một nhà thơ thực thụ. Dù bị bố quyết liệt cấm đoán nhưng Anh Thơ vẫn không thể từ bỏ niềm đam mê của mình. Sau này, khi đã trở thành một nhà thơ được nhiều người biết đến và được hỏi lí do vì sao bị bố ngăn cấm quyết liệt mà vẫn có thể lén bố để làm thơ, Anh Thơ đã trả lời rằng *"Vì tôi yêu thơ, không làm không chịu nổi và còn vì quê hương đất nước ta rất nên thơ"* (Thơ, 2019, tr.325). Hai chủ thể này không phải lúc nào cũng tách biệt hoàn toàn mà xuất hiện đan xen. Chủ thể đang kể có lúc hoà vào dòng tâm trạng của nhân vật và cũng thường xuyên can thiệp bằng những suy ngẫm, đánh giá mang tính chất chiêm nghiệm. Chính vì vậy, người kể đôi khi nhìn nhân vật quá khứ của mình bằng cái nhìn bao dung, nhưng cũng có lúc bằng sự phê phán khách quan. Bà đã nhắc đến mẹ bằng những trang viết ngọt ngào, đầy cảm động. Bà không trách sự cố chấp khi mẹ vì cố sinh cho được đứa con trai mà phải mất mạng, bà chỉ cảm thấy thân phận người đàn bà sao khổ quá. Bà cũng không trách bố vì sự hà khắc với vợ con, bà cảm thông cho những áp lực mà ông đã phải chịu đựng do sự chi phối của xã hội. Chính điều này đã tạo ra một cấu trúc đa tầng cho diễn ngôn.

Sự phân mảnh giữa căn tính giới và căn tính nghệ sĩ trong hồi ký Anh Thơ không chỉ thể hiện qua sự thay đổi thái độ của chủ thể mà còn qua sự tồn tại của hai không gian căn tính khác nhau, mỗi không gian gắn với một hệ thống mã diễn ngôn riêng. Không gian căn tính giới là không gian mang tính nội giới và gia đình, gắn với căn buồng, gian bếp, khoảng sân trong nhà – những nơi truyền thống gắn với vai trò của người phụ nữ trong xã hội Việt Nam đầu thế kỷ XX. Trong không gian này, Anh Thơ miêu tả hình ảnh của những người phụ nữ trong gia đình và cả chính mình gắn với các công việc nữ công gia chánh như thêu thùa, khâu vá, học cách giữ gìn nề nếp gia phong. Không gian ấy yên tĩnh nhưng cũng mang tính kiểm soát và kỷ luật, bởi ở đó tồn tại một trật tự gia đình nghiêm ngặt. Trong bối cảnh ấy, cái tôi cá nhân phải tự thu mình lại, ẩn giấu những khát vọng riêng để phù hợp với chuẩn mực của một "con gái nhà lành". Vì vậy, không gian căn tính giới không chỉ là không gian sinh hoạt mà còn là không gian định hình vai trò xã hội của người phụ nữ, nơi cá tính sáng tạo bị giới hạn bởi những chuẩn mực đạo đức và gia phong.

Đối lập với nó là không gian căn tính nghệ sĩ – không gian mở, gắn với thiên nhiên và thế giới tưởng tượng. Không gian này xuất hiện khi Anh Thơ bước ra khỏi khuôn khổ gia đình, đến với bến sông Thương, vườn cây, cánh đồng hay khi ẩn mình sau trang giấy để sáng tác. Trong những không gian ấy, chủ thể không còn bị ràng buộc bởi trật tự gia đình mà được tự do cảm nhận và tưởng tượng. Diễn ngôn lúc này trở nên giàu tính biểu cảm, mang sắc thái trữ tình và thể hiện rõ quyền lực của cái tôi sáng tạo. Anh Thơ không còn chỉ là "con gái của thầy tôi" mà trở thành một chủ thể đang đối thoại với thiên nhiên và thế giới nghệ thuật: *"Mới năm bảy tuổi đầu, tôi không chơi những trò ồn ào mà chỉ thích thơ thẩn ra vườn, nhìn những quả na mới nhú bằng ngón tay cái… Hoặc thích ra bờ sông Thương, nhìn rặng núi Nham Biền xanh thẳm chân mây…"* (Thơ, 2019, tr.10). Chính trong những khoảnh khắc ấy, trí tưởng tượng của cô gái nhỏ được khơi mở, biến thiên nhiên và cảnh vật quê hương thành nguồn cảm hứng nghệ thuật. Nếu không gian căn tính giới là không gian của quy tắc, trật tự và sự kiềm chế thì không gian căn tính nghệ sĩ lại là không gian của tự do cảm xúc và sáng tạo. Sự tồn tại song song của hai không gian này phản ánh quá trình giằng co giữa hai căn tính trong con người Anh Thơ: một bên là vai trò xã hội của người phụ nữ trong gia đình truyền thống, bên kia là khát vọng trở thành một chủ thể sáng tạo độc lập. Đồng thời, những không gian bình dị của quê hương – vườn cây, bờ sông, núi Nham Biền – đã trở thành môi trường nuôi dưỡng trí tưởng tượng và góp phần hun đúc tài năng thơ ca của bà ở những chặng đường sáng tác sau này.

Hồi ức của Anh Thơ cho thấy, bà đã phải sử dụng hai bộ mã quy tắc ứng xử khác nhau. Đó là bộ mã quy tắc ứng xử của căn tính giới – "con gái nhà lành" gắn với chuẩn mực đạo đức và nề nếp gia đình truyền thống và bộ mã quy tắc ứng xử của căn tính nghệ sĩ – "cái tôi nữ sĩ" gắn với nhu cầu khẳng định bản sắc sáng tạo. Trong vai con gái nhà lành, bà đã

phải ẩn giấu cá tính, sở thích của bản thân, bởi bà sợ bị người khác phát hiện vì điều đó không tốt cho bản thân và gia đình. Ngược lại, cái tôi nữ sĩ lại luôn đòi hỏi, khát khao được khẳng định bản sắc. Vì vậy, bà vẫn tiếp tục lén lút làm thơ, mạnh dạn gửi thơ dự thi và vui sướng, tự hào khi đoạt giải của Tự Lực Văn Đoàn. Đối với bà, thơ lúc ấy là cách để *"giải thoát khỏi bận bịu vì cuộc sống vất vả, đưa đến những gì cao xa, đẹp đẽ"* (Thơ, 2019, tr.31). Diễn ngôn lúc này mang sắc thái kiêu hãnh, tự ý thức về tài năng của mình. Chính khoảng cách giữa sự lo âu và lòng kiêu hãnh ấy đã tạo nên diện mạo đặc biệt cho chủ thể diễn ngôn của bà.

Khi mới chập chững cầm bút sáng tác thơ ca, Anh Thơ gặp không ít khó khăn trong việc thể hiện căn tính giới và căn tính nghệ sĩ của mình. Tuy nhiên, khi luồng gió của thời đại và cách mạng ùa tới, diễn ngôn bắt đầu có sự chuyển dịch. Bà nhận ra rằng, cách mạng không chỉ giải phóng dân tộc mà còn giải phóng cả người phụ nữ và người nghệ sĩ. Bà đến với cách mạng vì lòng yêu nước, yêu làng xóm, yêu mảnh đất mình đã sinh ra và lớn lên, yêu những con người lao khổ, những trẻ thơ vô tội và đặc biệt bà đau xót trước tình cảnh của dân tộc mình. Theo bà, đó *"là cách để đoạn tuyệt cuộc đời cũ, một cuộc đời đầy thất vọng bơ vơ để bước vào con đường tranh đấu có bạn bè cùng chí hướng, có đông đảo đồng bào cùng đi"* (Thơ, 2019, tr.470). Mặc dù là tác giả thuộc phong trào Thơ Mới nhưng bà có lí tưởng riêng. Việc tham gia cách mạng với bà là một quyết định đúng đắn và bà đã hăng hái nhập cuộc khá nhanh vào công cuộc chiến đấu của dân tộc để trở thành lớp nhà văn, nhà thơ - chiến sĩ thời ấy. Bà đã hoạt động không ngừng nghỉ trong suốt một hành trình dài đầy gian nan của lịch sử dân tộc bằng ý chí, bằng nghị lực và niềm tin mãnh liệt. Anh Thơ không hoàn toàn chối bỏ cái tôi cũ. Bà chấp nhận sự phân mảnh này như một phần lịch sử của mình. Việc đặt những dòng miêu tả tâm trạng sướt mướt cạnh những dòng nhật ký kháng chiến cho thấy sự trưởng thành của Anh Thơ về tư tưởng, tình cảm.

Sự đối thoại giữa "cái tôi được kể" và "cái tôi đang kể" trong hồi ký Anh Thơ không chỉ phản ánh sự phân mảnh của chủ thể tự sự mà còn cho thấy quá trình vận động của căn tính: từ một cái tôi mang dấu ấn giới tính với những trải nghiệm cá nhân nhiều u uất đến một cái tôi nghệ sĩ có khả năng tái cấu trúc ký ức trong mối liên hệ với thời đại và cộng đồng. Chính quá trình này làm nên chiều sâu tư tưởng và sự trưởng thành trong tư duy nghệ thuật của Anh Thơ.

3.2. Chiến lược "Hợp đồng sự thật" trong hồi ký Anh Thơ

Philippe Lejeune – nhà lý luận văn học người Pháp – là người đề xướng khái niệm "Hợp đồng sự thật" (The Autobiographical Pact) trong lý thuyết diễn ngôn của thể loại phi hư cấu. Hợp đồng sự thật là văn bản mà ở đó tác giả cam kết sự đồng nhất giữa tên tuổi của mình với người kể chuyện và nhân vật chính trong văn bản (Lejeune, 1989). Trong hồi ký của Anh Thơ, diễn ngôn sự thật được củng cố bởi sự triển khai hợp lý và hiệu quả của chiến lược này.

Khi đọc hồi ký, người đọc có khuynh hướng đồng nhất giữa tác giả - người kể chuyện - nhân vật xưng tôi. Các nhân vật có thật trong lịch sử văn học như Nhất Linh, Khái Hưng, Bàng Bá Lân, Nguyễn Bính, Xuân Diệu,... cũng được bà nhắc tên, gắn với những câu chuyện: *"Tôi thích thú nhớ đến lời ông Khái Hưng nói với tôi hôm nhận giải thưởng Tự Lực Văn Đoàn: Cô nên viết thêm văn xuôi vì tài nhận xét của cô rất đặc biệt, không dễ mấy ai có được đâu!"* (Thơ, 2019, tr.64). Anh Thơ cũng tái hiện những sự kiện, những người thật, việc thật mà bà đã trải qua trong những năm tham gia hoạt động cách mạng. Đó là hình ảnh chị Hà Thị Quế *"vỗ tay một cái, nhảy phắt qua vọng gác vào đồn Yên Thế, gí súng vào thằng gác, rồi gọi cả đồn Yên Thế ra hàng"* (Thơ, 2019, tr.406). Hay hình ảnh những người phụ nữ kiên cường trong mưa bom bão đạn: *"Mẹ Suốt vẫn chèo đò dưới mưa bom bão đạn để đảm bảo giao thông liên lạc trên sông Nhật Lệ, chị Em tay chèo tay súng chia lửa với chồng là chỉ huy trên tàu chiến, cô Mây, cô Bình nhân viên tổng đài đã dũng cảm leo lên cao dưới trận bom và pháo sáng của giặc để cứu đường dây bảo đảm thông suốt..."* (Thơ, 2019, tr.78). Những sự kiện trọng đại như Cách mạng tháng Tám thành công, chiến thắng Điện Biên Phủ lẫy lừng, đại thắng mùa xuân 1975 và niềm hân hoan Bắc – Nam sum họp,... đều được Anh Thơ tái hiện trong hồi ký với vai trò của một người trực tiếp chứng kiến và trải nghiệm. Bằng cách xuất hiện với tư cách một nhân chứng, một người kể chuyện khả tín, bà đã để độc giả tin tưởng, để độc giả thấy rằng bà không hư cấu hóa cuộc đời mình mà trình bày nó như một hồ sơ tự thuật.

Trong hồi ký, hồi ức được kể có thể ít nhiều không chính xác, bị nhầm lẫn, nhưng để tránh sự nghi ngờ của người đọc, các mã thực chứng sẽ được tác giả sử dụng dày đặc trong tác phẩm. Chẳng hạn như, các yếu tố thời gian và không gian thường cụ thể, chính xác. Các mốc thời gian bà nhận giải thưởng văn học và mốc thời gian của các sự kiện lịch sử được miêu tả chính xác. Không gian từ bến

sông Thương, thị xã Bắc Giang mở rộng đến Vĩnh Linh, Quảng Bình, Cầu Hiền Lương, sông Bến Hải,... Tất cả đều là những tọa độ thực tế mà độc giả có thể kiểm chứng. Hồi ký của bà cũng xuất hiện những chi tiết đời thường chứ không phải lúc nào cũng đầy hoa và thi vị. Khi nhắc đến bố, bà thừa nhận ông là một người đàn ông giỏi giang nhưng cũng vô cùng nghiêm khắc. Dù học giỏi và đỗ đạt cao nhưng vì sống dưới thời buổi nhiễu nhương nên cả cuộc đời ông là những nỗi thất vọng dài: thất vọng vì *"bỏ mất thời cơ tỏ tài thám bảng", "không còn hi vọng gì sống trong một nước độc lập tự do", "những người xuất thân khoa bảng thì chịu lép vế và phải đi làm lại thuộc"* cho những tên mật thám và *"gần nửa cuộc đời trôi qua mà ông vẫn chưa có con trai để nối dõi tông đường"* (Thơ, 2019, tr.16). Hy vọng duy nhất của ông là trông chờ vào Anh Thơ nhưng bản thân tác giả cảm thấy mình đã làm bố thất vọng, đó là không chịu theo đuổi con đường học vấn mà lại cứ thích làm thơ. Anh Thơ luôn tự hào về mẹ - người phụ nữ hội tụ đủ tài, sắc và đức nhưng cũng dằn vặt vì không cách nào giúp mẹ thoát khỏi những ràng buộc bởi trách nhiệm: *"Giá mẹ tôi đừng lo bố tôi lấy thêm vợ lẽ, giá mẹ tôi đừng cố đẻ thêm con trai thì đâu đến nỗi này"* (Thơ, 2019, tr.33). Khi được tham gia hoạt động cách mạng, Anh Thơ cảm nhận được luồng gió mới làm thay đổi tư duy và tâm hồn mình nhưng bà cũng thường trực nỗi lo, không biết bao giờ mới về được để làm nhiệm vụ thay mẹ chăm sóc cho các em hãy còn nhỏ dại. Nghĩ đến đấy, lòng Anh Thơ bỗng chùng xuống cùng niềm ưu tư nặng trĩu. Diễn ngôn hồi ký thường mang tính chất tự thú (confessional). Bà đã trần tình về sự thiếu thốn, những mâu thuẫn gia đình trần trụi, những nỗi sợ hãi nhỏ nhen. Điều này càng giúp củng cố hợp đồng sự thật.

3.2. Cấu trúc ký ức và sự chọn lọc diễn ngôn trong hồi ký Anh Thơ

Trong lý thuyết diễn ngôn, ký ức không còn được quan niệm như một kho lưu trữ tĩnh, nơi các sự kiện quá khứ tồn tại dưới dạng những "đơn vị nguyên khối" chờ được truy xuất, mà được hiểu như một tiến trình năng động, luôn vận động trong sự tương tác giữa chủ thể hồi tưởng, bối cảnh hiện tại và các hệ quy chiếu văn hóa – xã hội. Khi hồi ký của Anh Thơ được đặt trong cách tiếp cận này, có thể thấy quá khứ được tái cấu trúc thông qua một hệ thống lựa chọn có ý thức: lựa chọn sự kiện, lựa chọn giọng điệu, lựa chọn điểm nhìn và cả lựa chọn những khoảng lặng mang tính loại trừ.

Xét về cấu trúc, ký ức là một quá trình "hư cấu hóa" cái có thật. Mặc dù hồi ký của Anh Thơ tuân thủ "hợp đồng sự thật" theo quan niệm của Philippe Lejeune nhưng điều đó không đồng nghĩa với việc tác phẩm là sự phản chiếu nguyên trạng của quá khứ. Ký ức trong hồi ký luôn phải đối diện với những đứt gãy, thiếu hụt và mơ hồ vốn có của trí nhớ con người. Chính vì vậy, Anh Thơ đã sử dụng các kỹ thuật của diễn ngôn văn học như lựa chọn, tổ chức, nhấn mạnh và biểu tượng hóa nhằm "lấp đầy" những khoảng trống không thể truy hồi một cách trọn vẹn. Ở đây, "hư cấu hóa" không mang nghĩa bịa đặt, mà là quá trình tái cấu trúc sự thật đã có. Chẳng hạn như, Anh Thơ không kể lại quá khứ theo lối biên niên toàn diện — điều vốn bất khả — mà tập trung vào những "điểm sáng" hoặc "điểm đau" có khả năng kết tinh ý nghĩa: có những chương tác giả tập trung miêu tả về gia đình lúc mẹ còn sống và sau khi mẹ mất, có chương tập trung kể về nhóm bạn sông Thương, có chương lại kể về quá trình đoạt giải thưởng về thơ với tập *Bức tranh quê*, lại có chương hồi tưởng về thời gian làm báo ở Hà Nội,... Vì vậy, các đoạn miêu tả bến sông Thương không chỉ dừng lại ở chức năng tái hiện một không gian địa lý quen thuộc, mà còn được ký ức hóa thành một mã không gian mang tính biểu trưng. Bến sông ấy trở thành nơi neo giữ những khát vọng vượt thoát, những rung động thẩm mỹ đầu đời và ước mơ tự do của chủ thể nữ giới trong bối cảnh xã hội còn nhiều ràng buộc. Đáng chú ý hơn, sự vận hành của ký ức trong hồi ký mang tính lựa chọn có định hướng rõ rệt. Anh Thơ ưu tiên thuật lại những biến cố góp phần hình thành căn tính nghệ sĩ như những lần đọc trộm sách, làm thơ trong lén lút, đồng thời giản lược hoặc lướt qua các sinh hoạt đời thường thiếu giá trị biểu nghĩa. Chiến lược lựa chọn này tạo nên một cấu trúc diễn ngôn có trọng tâm, trong đó toàn bộ ký ức được tổ chức xoay quanh một trục ý nghĩa chủ đạo: quá trình thai nghén và tự ý thức về sự ra đời của một tài năng văn chương.

Trong cấu trúc ký ức tự sự, những gì không được kể cũng giữ vai trò khá quan trọng. Theo lý thuyết diễn ngôn, sự im lặng không phải là khoảng trống vô nghĩa, mà là một hình thức phát ngôn gián tiếp, mang tính chiến lược và hàm chứa thông điệp. Do đó, việc phân tích hồi ký không thể chỉ dừng lại ở tầng nội dung hiển ngôn, mà cần chú ý đến những khoảng trống và sự "im lặng", nơi ký ức bị lược bỏ, nén lại hoặc mã hóa. Trong hồi ký, Anh Thơ đã thực hiện một thao tác tiết chế có ý thức đối với một số giai đoạn đời sống và các mối quan hệ cá nhân nhạy cảm. Những trải nghiệm có khả năng gây tổn thương sâu sắc hoặc có nguy cơ xung đột với các chuẩn mực đạo đức và lễ giáo đương thời đã không được kể một cách trực tiếp. Sự lược bỏ này không phản ánh sự

thiếu hụt của trí nhớ, mà cho thấy sự can thiệp chủ động của chủ thể hồi tưởng trong việc kiểm soát diễn ngôn. Xét về mặt tu từ học, những khoảng im lặng ấy góp phần quan trọng vào việc kiến tạo hình tượng tác giả (ethos) trong tác phẩm. Anh Thơ lựa chọn kể lại nỗi đau bị gia đình và lễ giáo phong kiến kìm hãm như một cách khơi gợi sự đồng cảm của độc giả đồng thời khẳng định vị thế là nạn nhân của một trật tự xã hội bất công. Bà cũng giữ im lặng trước những chi tiết có thể làm phương hại đến lý tưởng cách mạng, hoặc làm phức tạp hóa hình ảnh "nữ sĩ thuần khiết" mà hồi ký đang hướng tới xây dựng. Như vậy, sự im lặng trong hồi ký Anh Thơ không phải là thiếu vắng ý nghĩa, mà là một chiến lược diễn ngôn tinh tế, góp phần định hướng cách đọc và củng cố căn tính tác giả trong không gian văn hóa – lịch sử cụ thể.

Một đặc điểm nổi bật trong cấu trúc diễn ngôn của hồi ký Anh Thơ là sự đan xen linh hoạt giữa ký ức cá nhân và ký ức tập thể, qua đó mở rộng biên độ ý nghĩa của văn bản từ phạm vi đời tư sang bình diện lịch sử - xã hội. Ký ức cá nhân ở đây gắn với "mã đời tư". Đó là những rung động thầm kín của một thiếu nữ, những nỗi buồn và khát vọng âm thầm, các chi tiết nhỏ nhặt trong sinh hoạt gia đình phong kiến. Đây là tầng ký ức mang tính chủ thể cao, phản ánh thế giới nội tâm và kinh nghiệm sống riêng biệt của Anh Thơ với tư cách một cá nhân nữ giới. Tuy nhiên, các ký ức ấy không tồn tại như những mảnh rời tự trị mà thường xuyên được đặt trong mối quan hệ đối thoại với "mã lịch sử", tức ký ức của cộng đồng và thời đại. Những sự kiện lớn của dân tộc, không khí sôi động của phong trào Thơ mới, hay sự chuyển mình của cách mạng được lồng ghép vào dòng hồi tưởng cá nhân tạo nên một trường liên tưởng rộng mở. Ở đó, đời sống riêng tư được soi chiếu bởi bối cảnh xã hội – lịch sử. Nhờ đó, hồi ký vượt ra khỏi chức năng tự thuật đơn thuần để trở thành một diễn ngôn về thế hệ và thời đại. Đáng chú ý là chiến lược chọn lọc ký ức của Anh Thơ mang tính đại diện. Bà ưu tiên kể lại những trải nghiệm cá nhân có khả năng cộng hưởng với ký ức tập thể của một thế hệ trí thức nữ đầu thế kỷ XX. Chẳng hạn, nỗi đau bị cấm đoán con đường học vấn không chỉ được trình bày như bi kịch cá nhân mà còn như một diễn ngôn chung về thân phận người phụ nữ trong xã hội phong kiến đang khủng hoảng và chuyển hóa. Qua sự kết nối ấy, ký ức cá nhân được nâng đỡ bởi chiều sâu lịch sử, còn ký ức tập thể lại được nhân hóa qua trải nghiệm sống cụ thể của một chủ thể nữ. Chính sự tương tác này đã tạo nên sức thuyết phục và giá trị tư tưởng bền vững cho hồi ký Anh Thơ.

Ký ức trong hồi ký Anh Thơ không phải là một tấm gương phản chiếu nguyên vẹn quá khứ mà là một hành động thanh lọc diễn ngôn. Bà đã chủ động chọn lấy những mảnh vỡ sắc nhọn nhất của nỗi đau lễ giáo và những mảnh rực rỡ nhất của khát vọng nghệ thuật để ghép nên bức chân dung tự họa của mình. Trong cấu trúc ấy, những khoảng lặng, những điều bà không kể, cũng có sức nặng tương đương với những gì đã viết ra, tạo nên một tác phẩm đầy tính nghệ thuật và sự tự ý thức.

4. KẾT LUẬN

Như vậy, thông qua việc bóc tách "diễn ngôn sự thật", kết quả nghiên cứu cho thấy hồi ký Anh Thơ đã vượt thoát khỏi khuôn khổ của một bản ghi chép tư liệu thuần túy để trở thành một cấu trúc nghệ thuật đầy chủ ý và giàu giá trị nhân văn. Sự thành công của Anh Thơ nằm ở việc thiết lập và duy trì một "hợp đồng sự thật" vững chắc. Bằng cách đồng nhất hóa tác giả, người kể chuyện và nhân vật, kết hợp với các mã thực chứng dày đặc về thời gian, không gian và những nhân vật lịch sử có thật, bà đã tạo ra một áp lực khả tín mạnh mẽ đối với độc giả. Tuy nhiên, đằng sau sự cam kết đó là một sự thật được kiến tạo thông qua chiến lược chọn lọc ký ức tinh tế. Đặc biệt, giá trị độc đáo trong hồi ký Anh Thơ chính là sự phân mảnh của chủ thể. Qua lăng kính diễn ngôn, chúng ta nhận diện được những đứt gãy và giằng co mãnh liệt giữa căn tính giới và căn tính nghệ sĩ, giữa cái tôi cá nhân ẩn ức và cái tôi thời đại đầy lý tưởng. Chính sự không thống nhất này đã tạo nên chiều sâu nhân bản cho tác phẩm.

Diễn ngôn sự thật trong hồi ký Anh Thơ là sự giao thoa nhuần nhuyễn giữa ký ức cá nhân và ký ức tập thể, giữa mã đời tư và mã lịch sử. Từ góc nhìn thể loại, tác phẩm của bà đã khẳng định vị thế của hồi ký như một diễn ngôn phi hư cấu đầy quyền năng, nơi ngôn ngữ không chỉ mô tả thế giới mà còn tham gia trực tiếp vào việc định nghĩa lại bản sắc con người. Vì vậy, hồi ký của Anh Thơ không chỉ dừng lại ở giá trị văn chương, mà còn là một tư liệu văn hóa - lịch sử quý giá.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Smith, S., & Watson, J. (2001). *Reading autobiography: A guide for interpreting life narratives*. University of Minnesota Press. https://doi.org/10.5749/minnesota/9780816669851.001.0001

Thơ, A. (2019). *Từ bến sông Thương, Tiếng chim tu hú, Bên dòng chia cắt*. H. Nxb Văn học.

Lejeune, P. (1989). *On Autobiography* (K. Leary, Trans.). University of Minnesota Press.